

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2023

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đạo;

Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Long Hồ – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 565/2022/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ph**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Ch, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Ph có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/12/2022.

- Bị đơn: Ông **T**, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: k3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/11/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 28/12/2022, nguyên đơn bà Ph trình bày:*

Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 1983 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 01/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không quan tâm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2010 đến nay. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . *Về tố tụng:* Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn ông T là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ph và ông T sống chung với nhau vào năm 1983 trên tinh thần tự nguyện và không đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân được xác lập trước ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông T được công nhận là hôn nhân thực tế. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 01 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, ông, bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân từ đó hco đến nay. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời ông T để hòa giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không đến dự, cho thấy ông T không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với bà Ph, chứng tỏ hôn nhân giữa bà Ph và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Ph yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:* Bà Ph khai không có nên không xét đến.

[2.3]. *Về tài sản chung:* Bà Ph khai không có nên không xét đến.

[2.4]. *Về nợ chung:* Bà Ph khai không có nên không xét đến.

[2.5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 10.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph đối với ông T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông T chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010302 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Ph, ông T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Ch;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng